

Số: 1062/QĐ-DHN

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Điều kiện và mức học bổng khuyến khích học tập Học kỳ II, năm học 2021 - 2022 cho sinh viên Đại học chính quy ngành Dược học khóa 73,74,75,76; ngành Hóa dược khóa 1,2

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 828/BYT/QĐ ngày 29/9/1961 của Bộ trưởng Bộ Y tế: tách Trường Đại học Y dược thành 2 trường Đại học Y khoa và Đại học Dược khoa;

Căn cứ “Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy” ban hành kèm theo Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 và “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” theo văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 31/2013/TT-BGDĐT ngày 01/8/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 2 Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ vào Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ vào Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 820/QĐ-DHN ngày 30/10/2021 của Trường Đại học Dược Hà Nội về việc quy định mức thu học phí đối với sinh viên đại học năm học 2021-2022;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng xét học bổng, học phí, trợ cấp khó khăn ngày 11/10/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác học viên, sinh viên – Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Các sinh viên được cấp HBKKHT Học kỳ II, năm học 2021-2022 là các sinh viên đại học hệ chính quy (ĐH) ngành Dược học khóa 73,74,75,76; ngành Hóa dược khóa 1,2 có điểm rèn luyện từ mức khá trở lên, không vi phạm kỷ luật trong Học kỳ II, năm học 2021-2022 và không còn học phần lần 1 chưa đạt, đồng thời có điểm trung bình học tập lần 1 (thang điểm 4, đã cộng điểm ưu tiên ở Điều 1) của Học kỳ II, năm học 2021-2022 từ các mức điểm sau đây trở lên:

Dược học - K73: 3.68
Dược học - K74: 3.53
Dược học - K75: 3.09
Dược học - K76: 3.25

Hóa dược - K1: 2.88
Hóa dược - K2: 2.99

Điều 2. Mức học bổng khuyến khích học tập Học kỳ II, năm học 2021-2022 đối với các sinh viên đại học được quy định như sau: Mức HBKKHT loại khá: 1.450.000đ/tháng; loại giỏi: 1.550.000đ/tháng; loại xuất sắc: 1.650.000đ/tháng.

Học bổng khuyến khích học tập được cấp 05 tháng cho 1 học kỳ. Học bổng KKHT học kỳ II, năm học 2021-2022 được cấp trong học kỳ I, năm học 2022-2023.

Điều 3. Học sinh, sinh viên thuộc diện chính sách ưu đãi theo Nghị định 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ, nhận trợ cấp ưu đãi tại Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.

Học sinh, sinh viên thuộc diện hưởng học bổng chính sách, diện trợ cấp xã hội, diện chính sách ưu đãi nếu đạt kết quả học tập, rèn luyện vào diện được xét, cấp học bổng khuyến khích học tập thì được xét, cấp HBKKHT như những sinh viên khác.

Điều 4. Trưởng các phòng Công tác học viên, sinh viên – Y tế, Quản lý đào tạo, Tài chính kế toán và sinh viên các lớp chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Ban giám hiệu;
- Lưu: VT, HVSV-YT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Đinh Thị Thanh Hải

DANH SÁCH HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

Học kỳ II, năm học 2021-2022 - ĐHCQ ngành Dược học khóa 73,74,75,76; ngành Hóa dược khóa 1,2

(kèm theo Quyết định số 1062 /QĐ-DHN ngày 03 tháng 11 năm 2022)

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB lần 1	Số hp L1 không đạt	ĐRL	Loại học bổng	Mức HB (đ/tháng)	Số tiền (đ)
1	1801016	Hoàng Thị Vân Anh	N1K73	3,71	0	92	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
2	1801030	Nguyễn Thị Phương Anh	M1K73	3,72	0	89	Giỏi	1.550.000	7.750.000
3	1801037	Nguyễn Thị Vân Anh	M1K73	3,76	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
4	1801064	Lê Quang Bảo	M1K73	3,82	0	96	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
5	1801120	Nguyễn Mạnh Đức	M1K73	3,75	0	94	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
6	1801160	Đỗ Thu Hà	M1K73	3,79	0	89	Giỏi	1.550.000	7.750.000
7	1801167	Nông Thị Bích Hà	M1K73	3,81	0	88	Giỏi	1.550.000	7.750.000
8	1801214	Nguyễn Thanh Hiền	M1K73	3,68	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
9	1801252	Nguyễn Quốc Hoài	M1K73	3,88	0	90	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
10	1801268	Đặng Thị Huế	M1K73	3,97	0	93	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
11	1801287	Nguyễn Mai Hương	M1K73	3,69	0	91	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
12	1801300	Ngô Đức Huy	M1K73	3,78	0	92	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
13	1801318	Nguyễn Thị Thanh Huyền	M1K73	3,71	0	89	Giỏi	1.550.000	7.750.000
14	1801329	Dương Thế Khang	M1K73	3,94	0	94	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
15	1801341	Nguyễn Trung Khoa	M1K73	3,81	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
16	1801346	Trần Duy Khương	N1K73	3,68	0	88	Giỏi	1.550.000	7.750.000
17	1801349	Nguyễn Trung Kiên	N1K73	3,69	0	96	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
18	1801400	Nguyễn Thuý Linh	M1K73	3,78	0	93	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
19	1801406	Phạm Thị Nhật Linh	M1K73	3,79	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
20	1801411	Vũ Mai Linh	M1K73	3,90	0	92	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
21	1801414	Nguyễn Thị Loan	M1K73	3,74	0	88	Giỏi	1.550.000	7.750.000
22	1801416	Đào Thanh Lộc	M1K73	3,75	0	95	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
23	1801424	Phạm Việt Long	M1K73	3,72	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
24	1801443	Phạm Quỳnh Mai	N1K73	3,68	0	95	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
25	1801444	Phan Thị Phương Mai	M1K73	3,69	0	92	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
26	1801454	Lê Thị Nguyệt Minh	N1K73	3,78	0	98	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
27	1801461	Vũ Anh Minh	M1K73	3,90	0	88	Giỏi	1.550.000	7.750.000
28	1801470	Đỗ Bảo Nam	M1K73	3,81	0	92	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
29	1801492	Trương Minh Nghĩa	M1K73	3,69	0	94	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
30	1801496	Đào Hồng Ngọc	N1K73	3,71	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
31	1801505	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	N1K73	3,86	0	97	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
32	1801521	Nguyễn Hà Nhi	N1K73	3,69	0	98	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
33	1801525	Nguyễn Thị Quỳnh Như	M1K73	3,81	0	92	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
34	1801560	Nguyễn Thu Phương	N1K73	3,74	0	90	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
35	1801586	Ngô Thị Quyên	M1K73	3,68	0	96	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
36	1801587	Trương Thị Mỹ Quyên	M1K73	3,75	0	92	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
37	1801601	Phạm Vũ Thúy Quỳnh	N1K73	3,69	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
38	1801608	Nguyễn Tài Sứ	M1K73	3,82	0	98	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
39	1801615	Trần Thị Tâm	M1K73	3,75	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
40	1801647	Nguyễn Phương Thảo	Q1K73	3,71	0	88	Giỏi	1.550.000	7.750.000
41	1801655	Phan Hương Thảo	Q1K73	3,78	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
42	1801670	Hoàng Đức Thuận	M1K73	3,81	0	92	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
43	1801676	Phạm Thị Thương	N1K73	3,71	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
44	1801680	Hoàng Thị Phương Thúy	M1K73	3,72	0	96	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB lần 1	Số hp L1 không đạt	ĐRL	Loại học bổng	Mức HB (đ/tháng)	Số tiền (đ)
45	1801690	Trịnh Thị Thu Thủy	N1K73	3,69	0	85	Giỏi	1.550.000	7.750.000
46	1801691	Nguyễn Thủy Tiên	M1K73	3,85	0	88	Giỏi	1.550.000	7.750.000
47	1801694	Nguyễn Song Toàn	Q1K73	3,75	0	86	Giỏi	1.550.000	7.750.000
48	1801741	Nguyễn Văn Tuấn	M1K73	3,79	0	94	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
49	1801747	Nguyễn Thanh Tùng	N1K73	3,83	0	100	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
50	1801765	Trần Thị Tường Vi	M1K73	3,72	0	90	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
51	1901042	Nguyễn Văn Anh	A3K74	3,53	0	88	Giỏi	1.550.000	7.750.000
52	1901051	Trương Thị Phương Anh	A4K74	3,56	0	98	Giỏi	1.550.000	7.750.000
53	1901074	Lê Hà Cẩm	A1K74	3,59	0	93	Giỏi	1.550.000	7.750.000
54	1901075	Hoàng Bảo Châu	A2K74	3,62	0	89	Giỏi	1.550.000	7.750.000
55	1901081	Tạ Thị Mai Chi	A2K74	3,69	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
56	1901092	Hoàng Đức Cường	A4K74	3,56	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
57	1901110	Đỗ Thị Bích Diệp	A3K74	3,53	0	88	Giỏi	1.550.000	7.750.000
58	1901114	Lê Thành Đức	A3K74	3,59	0	91	Giỏi	1.550.000	7.750.000
59	1901128	Thiều Thị Minh Dung	A1K74	3,66	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
60	1901159	Nguyễn Thị Giang	A4K74	3,72	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
61	1901169	Đặng Nguyệt Hà	A4K74	3,62	0	98	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
62	1901171	Hoàng Mạnh Hà	A2K74	3,56	0	84	Giỏi	1.550.000	7.750.000
63	1901198	Nguyễn Minh Hằng	A2K74	3,53	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
64	1901204	Nguyễn Thị Thu Hằng	A4K74	3,88	0	94	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
65	1901220	Nguyễn Thị Thanh Hiền	A1K74	3,62	0	92	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
66	1901223	Phan Thảo Hiền	A1K74	3,62	0	92	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
67	1901226	Vô Minh Hiền	A1K74	3,72	0	88	Giỏi	1.550.000	7.750.000
68	1901257	Tô Minh Hoàn	A3K74	3,56	0	93	Giỏi	1.550.000	7.750.000
69	1901280	Nguyễn Thị Mai Hương	A1K74	3,53	0	86	Giỏi	1.550.000	7.750.000
70	1901282	Nguyễn Thu Hương	A1K74	3,69	0	90	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
71	1901295	Nguyễn Hữu Huy	A3K74	3,53	0	86	Giỏi	1.550.000	7.750.000
72	1901317	Trần Thị Khánh Huyền	A3K74	3,66	0	94	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
73	1901326	Phạm An Khánh	A2K74	3,78	0	95	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
74	1901328	Nguyễn Công Khương	A1K74	3,59	0	93	Giỏi	1.550.000	7.750.000
75	1901361	Lê Ngọc Linh	A2K74	3,59	0	88	Giỏi	1.550.000	7.750.000
76	1901376	Phan Thị Linh	A4K74	3,62	0	89	Giỏi	1.550.000	7.750.000
77	1901394	Lê Thiên Bảo Long	A1K74	3,53	0	97	Giỏi	1.550.000	7.750.000
78	1901421	Trịnh Khánh Ly	A2K74	3,62	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
79	1901452	Trương Cao Minh	A1K74	3,53	0	95	Giỏi	1.550.000	7.750.000
80	1901472	Nguyễn Thị Nga	A2K74	3,53	0	91	Giỏi	1.550.000	7.750.000
81	1901491	Vương Thảo Ngân	A3K74	3,75	0	92	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
82	1901527	Nguyễn Thị Nhung	A4K74	3,66	0	89	Giỏi	1.550.000	7.750.000
83	1901544	Chu Thị Phương	A3K74	3,56	0	86	Giỏi	1.550.000	7.750.000
84	1901572	Trần Hồng Quân	A2K74	3,56	0	88	Giỏi	1.550.000	7.750.000
85	1901575	Đỗ Ngọc Quang	A2K74	3,75	0	96	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
86	1901577	Nguyễn Minh Quang	A1K74	3,69	0	88	Giỏi	1.550.000	7.750.000
87	1901584	Dương Quang Quý	A4K74	3,72	0	95	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
88	1901639	Nguyễn Phương Thảo	A2K74	3,59	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
89	1901640	Nguyễn Phương Thảo	A4K74	3,62	0	93	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
90	1901656	Trần Thu Thảo	A2K74	3,75	0	88	Giỏi	1.550.000	7.750.000
91	1901668	Nguyễn Song Thu	A1K74	3,75	0	92	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
92	1901683	Nguyễn Thị Diệu Thúy	A3K74	3,62	0	92	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
93	1901688	Lê Thị Thùy	A3K74	3,88	0	92	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB lần 1	Số hp L1 không đạt	ĐRL	Loại học bổng	Mức HB (đ/tháng)	Số tiền (đ)
94	1901698	Vũ Thị Thu Thủy	A4K74	3,78	0	94	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
95	1901706	Nguyễn Thị Thu Trà	A1K74	3,66	0	90	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
96	1901718	Hoàng Thị Quỳnh Trang	A1K74	3,72	0	92	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
97	1901719	Khuất Thị Trang	A3K74	3,53	0	88	Giỏi	1.550.000	7.750.000
98	1901739	Phạm Thủy Trang	A2K74	3,56	0	86	Giỏi	1.550.000	7.750.000
99	1901748	Bùi Văn Trường	A3K74	3,59	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
100	1901752	Nguyễn Văn Trường	A3K74	3,53	0	88	Giỏi	1.550.000	7.750.000
101	1901757	Nguyễn Đức Tú	A3K74	3,53	0	86	Giỏi	1.550.000	7.750.000
102	1901801	Phùng Thị Hải Yến	A1K74	3,53	0	91	Giỏi	1.550.000	7.750.000
103	1901007	Trịnh Thu An	A1K75	3,30	0	88	Giỏi	1.550.000	7.750.000
104	2001009	Đinh Thị Lan Anh	A3K75	3,09	0	83	Khá	1.450.000	7.250.000
105	2001029	Nguyễn Thị Hồng Anh	A1K75	3,23	0	90	Giỏi	1.550.000	7.750.000
106	2001040	Phan Văn Tuấn Anh	A1K75	3,23	0	93	Giỏi	1.550.000	7.750.000
107	2001084	Nguyễn Quỳnh Chi	A1K75	3,52	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
108	2001086	Trần Linh Chi	A1K75	3,50	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
109	2001121	Đặng Minh Đức	A1K75	3,38	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
110	2001126	Trần Doãn Đức	A1K75	3,39	0	88	Giỏi	1.550.000	7.750.000
111	2001134	Trịnh Ngọc Minh Dung	A2K75	3,11	0	86	Khá	1.450.000	7.250.000
112	2001138	Đặng Đăng Dương	A1K75	3,30	0	94	Giỏi	1.550.000	7.750.000
113	2001166	Trần Thị Vân Giang	A1K75	3,42	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
114	2001168	Bùi Thị Thu Hà	A2K75	3,20	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
115	2001190	Vũ Thu Hà	A1K75	3,55	0	93	Giỏi	1.550.000	7.750.000
116	2001196	Lê Thị Thúy Hằng	A3K75	3,64	0	88	Giỏi	1.550.000	7.750.000
117	2001201	Phan Thị Thu Hằng	A1K75	3,16	0	92	Khá	1.450.000	7.250.000
118	2001223	Nguyễn Thu Hiền	A1K75	3,14	0	85	Khá	1.450.000	7.250.000
119	2001242	Nguyễn Lê Hoa	A1K75	3,09	0	85	Khá	1.450.000	7.250.000
120	2001244	Trần Thị Hòa	A3K75	3,25	0	86	Giỏi	1.550.000	7.750.000
121	2001248	Nguyễn Thị Hoài	A3K75	3,38	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
122	2001260	Nguyễn Thị Thúy Hồng	A4K75	3,42	0	96	Giỏi	1.550.000	7.750.000
123	2001268	Nguyễn Minh Hùng	A3K75	3,28	0	93	Giỏi	1.550.000	7.750.000
124	2001297	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	A1K75	3,11	0	85	Khá	1.450.000	7.250.000
125	2001310	Trần Thị Cát Khánh	A1K75	3,14	0	90	Khá	1.450.000	7.250.000
126	2001316	Nguyễn Trọng Kiên	A1K75	3,09	0	86	Khá	1.450.000	7.250.000
127	2001324	Đào Thị Hồng Liên	A2K75	3,36	0	86	Giỏi	1.550.000	7.750.000
128	2001358	Phan Thị Thùy Linh	A1K75	3,22	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
129	2001361	Trần Thị Thùy Linh	A1K75	3,23	0	86	Giỏi	1.550.000	7.750.000
130	2001378	Trần Huỳnh Khánh Ly	A1K75	3,20	0	93	Giỏi	1.550.000	7.750.000
131	2001387	Trần Thị Ngọc Mai	A3K75	3,09	0	86	Khá	1.450.000	7.250.000
132	2001411	Nguyễn Thị Nga	A2K75	3,30	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
133	2001425	Nguyễn Phương Ngân	A1K75	3,78	0	88	Giỏi	1.550.000	7.750.000
134	2001426	Nguyễn Thị Kim Ngân	A3K75	3,11	0	85	Khá	1.450.000	7.250.000
135	2001447	Phạm Thị Minh Nguyệt	A1K75	3,25	0	86	Giỏi	1.550.000	7.750.000
136	2001460	Đào Hồng Nhung	A1K75	3,14	0	92	Khá	1.450.000	7.250.000
137	2001464	Phạm Thị Nhung	A1K75	3,23	0	86	Giỏi	1.550.000	7.750.000
138	2001502	Trịnh Thị Thanh Quý	A1K75	3,20	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
139	2001504	Đặng Thị Quyên	A1K75	3,12	0	87	Khá	1.450.000	7.250.000
140	2001509	Đỗ Trúc Quỳnh	A1K75	3,36	0	86	Giỏi	1.550.000	7.750.000
141	2001531	Đỗ Thanh Tâm	A2K75	3,23	0	86	Giỏi	1.550.000	7.750.000
142	2001532	Hồ Tuệ Tâm	A1K75	3,44	0	85	Giỏi	1.550.000	7.750.000

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB lần 1	Số hp L1 không đạt	ĐRL	Loại học bổng	Mức HB (đ/tháng)	Số tiền (đ)
143	2001537	Thái Chính Tâm	A1K75	3,23	0	97	Giỏi	1.550.000	7.750.000
144	2001552	Nguyễn Thị Thanh Thanh	A3K75	3,12	0	86	Khá	1.450.000	7.250.000
145	2001557	Nguyễn Tuấn Thành	A1K75	3,34	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
146	2001558	Phạm Việt Thành	A3K75	3,48	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
147	2001587	Nguyễn Đức Thiện	A1K75	3,64	0	92	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
148	2001603	Giáp Thị Anh Thư	A3K75	3,22	0	95	Giỏi	1.550.000	7.750.000
149	2001643	Lê Thị Thu Trang	A4K75	3,30	0	95	Giỏi	1.550.000	7.750.000
150	2001663	Phùng Thị Thu Trang	A4K75	3,14	0	88	Khá	1.450.000	7.250.000
151	2001676	Trịnh Công Trường	A2K75	3,45	0	91	Giỏi	1.550.000	7.750.000
152	2001703	Lê Đình Văn	A1K75	3,61	0	96	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
153	2001704	Vũ Đức Văn	A2K75	3,20	0	83	Giỏi	1.550.000	7.750.000
154	2001722	Trần Minh Yên	A1K75	3,16	0	86	Khá	1.450.000	7.250.000
155	2101015	Lê Thị Quỳnh Anh	A4K76	3,30	0	88	Giỏi	1.550.000	7.750.000
156	2101027	Nguyễn Thị Hiếu Anh	A1K76	3,45	0	86	Giỏi	1.550.000	7.750.000
157	2101029	Nguyễn Thị Ngọc Anh	A3K76	3,28	0	86	Giỏi	1.550.000	7.750.000
158	2101066	Đoàn Ngọc Bích	A1K76	3,33	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
159	2101109	Hà Cảnh Đức	A3K76	3,33	0	92	Giỏi	1.550.000	7.750.000
160	2101144	Nguyễn Thùy ánh Dương	A4K76	3,25	0	88	Giỏi	1.550.000	7.750.000
161	2101156	Hồ Thị Duyên	A3K76	3,47	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
162	2101162	Bùi Văn Giang	A1K76	3,27	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
163	2101186	Trần Ngân Hà	A4K76	3,70	0	88	Giỏi	1.550.000	7.750.000
164	2101195	Tô Lê Hải	A3K76	3,27	0	91	Giỏi	1.550.000	7.750.000
165	2101215	Nguyễn Văn Hậu	A4K76	3,35	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
166	2101222	Lê Minh Hiệp	A4K76	3,27	0	86	Giỏi	1.550.000	7.750.000
167	2101223	Chu Quang Hiếu	A3K76	3,30	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
168	2101256	Đặng Thu Huế	A4K76	3,33	0	86	Giỏi	1.550.000	7.750.000
169	2101273	Dương Thị Hương	A4K76	3,32	0	84	Giỏi	1.550.000	7.750.000
170	2101275	Nguyễn Duy Thanh Hương	A2K76	3,37	0	90	Giỏi	1.550.000	7.750.000
171	2101285	Lê Thị Minh Hường	A2K76	3,27	0	86	Giỏi	1.550.000	7.750.000
172	2101287	Cao Hoàng Huy	A1K76	3,33	0	97	Giỏi	1.550.000	7.750.000
173	2101336	Nguyễn Thảo My - Kristýna	A2K76	3,27	0	99	Giỏi	1.550.000	7.750.000
174	2101337	Trương Minh Kỳ	A1K76	3,27	0	89	Giỏi	1.550.000	7.750.000
175	2101343	Nguyễn Thạch Liên	A1K76	3,48	0	86	Giỏi	1.550.000	7.750.000
176	2101394	Nguyễn Hoàng Long	A2K76	3,40	0	93	Giỏi	1.550.000	7.750.000
177	2101420	Vũ Ngọc Mai	A3K76	3,27	0	94	Giỏi	1.550.000	7.750.000
178	2101436	Trần Tuấn Minh	A2K76	3,30	0	93	Giỏi	1.550.000	7.750.000
179	2101453	Hoàng Thu Nga	A1K76	3,32	0	93	Giỏi	1.550.000	7.750.000
180	2101461	Bùi Thị Ngân	A4K76	3,72	0	85	Giỏi	1.550.000	7.750.000
181	2101466	Nguyễn Thị Thúy Ngân	A4K76	3,25	0	86	Giỏi	1.550.000	7.750.000
182	2101472	Nguyễn Bảo Ngọc	A2K76	3,25	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
183	2101476	Nguyễn Vũ Hải Ngọc	A4K76	3,47	0	86	Giỏi	1.550.000	7.750.000
184	2101484	Mai Văn Nguyên	A1K76	3,33	0	96	Giỏi	1.550.000	7.750.000
185	2101486	Trần Minh Nguyên	A3K76	3,27	0	89	Giỏi	1.550.000	7.750.000
186	2101499	Nguyễn Thị Yến Nhi	A3K76	3,55	0	86	Giỏi	1.550.000	7.750.000
187	2101503	Lương Cẩm Nhung	A1K76	3,45	0	93	Giỏi	1.550.000	7.750.000
188	2101504	Nguyễn Trang Nhung	A4K76	3,72	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
189	2101511	Phạm Thị Oanh	A1K76	3,32	0	88	Giỏi	1.550.000	7.750.000
190	2101518	Nguyễn Thị Phúc	A1K76	3,35	0	86	Giỏi	1.550.000	7.750.000
191	2101519	Phạm Hồng Phúc	A1K76	3,42	0	91	Giỏi	1.550.000	7.750.000

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB lần 1	Số hp L1 không đạt	ĐRL	Loại học bổng	Mức HB (đ/tháng)	Số tiền (đ)
192	2101533	Nguyễn Trần Mai Phương	A1K76	3,63	0	98	Xuất sắc	1.650.000	8.250.000
193	2101540	Đoàn Hữu Quân	A3K76	3,32	0	89	Giỏi	1.550.000	7.750.000
194	2101546	Nguyễn Minh Quý	A4K76	3,25	0	88	Giỏi	1.550.000	7.750.000
195	2101551	Bùi Diễm Quỳnh	A4K76	3,50	0	86	Giỏi	1.550.000	7.750.000
196	2101552	Đoàn Thị Như Quỳnh	A4K76	3,33	0	84	Giỏi	1.550.000	7.750.000
197	2101573	Nguyễn Minh Tâm	A2K76	3,32	0	86	Giỏi	1.550.000	7.750.000
198	2101596	Nguyễn Thanh Thảo	A1K76	3,43	0	85	Giỏi	1.550.000	7.750.000
199	2101598	Nguyễn Thị Phương Thảo	A4K76	3,43	0	94	Giỏi	1.550.000	7.750.000
200	2101608	Vũ Thị Phương Thảo	A1K76	3,47	0	88	Giỏi	1.550.000	7.750.000
201	2101626	Đào Ngọc Anh Thư	A2K76	3,37	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
202	2101630	Hà Thị Phương Thúy	A1K76	3,40	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
203	2101641	Lê Quốc Tiến	A1K76	3,53	0	95	Giỏi	1.550.000	7.750.000
204	2101673	Trần Đoàn Trang	A2K76	3,45	0	83	Giỏi	1.550.000	7.750.000
205	2101676	Lê Minh Trí	A2K76	3,40	0	93	Giỏi	1.550.000	7.750.000
206	2101694	Dương Thanh Tùng	A2K76	3,53	0	87	Giỏi	1.550.000	7.750.000
207	2101715	Nguyễn Thị Xuân	A4K76	3,25	0	86	Giỏi	1.550.000	7.750.000
208	2091009	Trần Hoàng Anh	H1K1	3,31	0	95	Giỏi	1.550.000	7.750.000
209	2091019	Nguyễn Đăng Duy	H1K1	3,02	0	96	Khá	1.450.000	7.250.000
210	2091023	Trần Mai Giang	H1K1	2,88	0	93	Khá	1.450.000	7.250.000
211	2091024	Vũ Hương Giang	H1K1	2,98	0	95	Khá	1.450.000	7.250.000
212	2091060	Chu Thị Trang	H1K1	2,94	0	90	Khá	1.450.000	7.250.000
213	2191017	Nguyễn Trung Hiếu	H1K2	3,16	0	89	Khá	1.450.000	7.250.000
214	2191022	Vũ Thị Thu Huyền	H1K2	2,99	0	85	Khá	1.450.000	7.250.000
215	2191031	Nguyễn Tuyết Mai	H1K2	3,51	0	90	Giỏi	1.550.000	7.750.000
216	2191041	Đào Duy Quý	H1K2	3,24	0	90	Giỏi	1.550.000	7.750.000
217	2191061	Phạm Anh Vũ	H1K2	3,42	0	91	Giỏi	1.550.000	7.750.000
Tổng									1.695.750.000

Danh sách có 217 sinh viên, sắp xếp theo Khóa, Mã SV.